

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/02/2025
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức và bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Quang Trực – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: khóm T, thị trấn N, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: anh Trần Văn N, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị D có mặt. Bị đơn anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Được người quen mai mối, chị với anh Trần Văn N quyết định chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường. Đến năm 2016, anh N đi làm ở Cần Thơ thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Mặc dù đi làm ăn nhưng anh N không đưa tiền về phụ chị nuôi con. Năm 2022, anh N điện thoại nói nợ người khác một số tiền lớn và kêu chị lo tiền để trả nợ, chị không có tiền nên anh N dọn đồ rời đi cho đến nay. Từ khi đi anh N không quay về và chỉ điện thoại nói chuyện với con. Chị với anh N cũng chính thức

sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị D yêu cầu như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mỹ D xin được ly hôn với anh Trần Văn N.

+ Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Trần Nguyễn Duy P sinh ngày 01/9/2015 và Trần Nguyễn Ngọc N sinh ngày 29/9/2012. Sau ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn N: Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh N nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh N vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị D.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với ông Trần Văn N.

Về con chung: giao con chung Nguyễn Duy P sinh ngày 01/9/2015 và Trần Nguyễn Ngọc N sinh ngày 29/9/2012 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Trần Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn anh Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Trần Văn N chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 164/2013 ngày 20/9/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ D, thấy: trong quá trình sống chung cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu. Năm 2016 khi anh N đi làm ăn xa thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh N không có trách nhiệm với gia đình, đi làm không quay về, không phụ chị D về kinh tế để nuôi các con. Năm 2022, anh N có gây nợ và yêu cầu chị D lo tiền trả nợ, khi không có tiền thì anh N dọn đồ bỏ đi không liên lạc với gia đình. Vợ chồng cũng chính thức sống ly thân từ năm 2022. Từ khi sống ly thân vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng anh N vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị D để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh N không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[2.3] Về quan hệ con chung, thấy: qua chứng cứ chị D cung cấp thì chị D và anh N có hai con có 02 con chung tên Trần Nguyễn Duy P sinh ngày 01/9/2015 và Trần Nguyễn Ngọc N sinh ngày 29/9/2012. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 10/12/2024 nguyện vọng của cháu Phước và cháu Như là được trực tiếp sống cùng với mẹ. Xét thấy, có đủ căn cứ để giao con chung Duy Phước và Ngọc Như cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do cha Dân không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là căn cứ.

[4] Về án phí: chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Văn N.

- Về quan hệ con chung:

Giao con chung Trần Nguyễn Duy P sinh ngày 01/9/2015 và Trần Nguyễn Ngọc N sinh ngày 29/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Trần Văn N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021356 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Mỹ D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND TT. N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm

